

BIỂU TƯỢNG *LƯỠI* TRONG TIẾNG VIỆT

TS HOÀNG KIM NGỌC

1. Dẫn nhập

Biểu tượng, theo *Từ điển Petit Larousse*, là “dấu hiệu hình ảnh, con vật sống động hay đồ vật biểu hiện một điều trừu tượng, nó là hình ảnh cụ thể của một sự vật hay một điều gì đó.” Theo C.S.Jung, “Biểu tượng là một danh từ, một tên gọi hay một đồ vật, ngay cả khi quen thuộc trong đời sống hàng ngày nhưng vẫn chứa đựng mối liên hệ về mặt ý nghĩa, bổ sung và cái ý nghĩa ước định hiển nhiên và trực tiếp của chúng”.

Như vậy, biểu tượng là một hình thức kí hiệu của con người, là công cụ để con người nhận thức thế giới. Biểu tượng tồn tại dưới hình thức ngôn ngữ là biểu tượng ngôn từ, là một hệ thống kí hiệu 2 tầng bậc, giúp truyền tải ý nghĩa sâu xa trong một hình thức ngắn gọn, góp phần tạo hàm ngôn. Với khả năng kết hợp của ngôn ngữ thì biểu tượng ngôn từ có thể mở rộng ý nghĩa, đặc biệt rất hiệu quả trong văn chương. Khi thực hiện chức năng thẩm mĩ trong một tác phẩm văn học, biểu tượng ngôn từ được cấu tạo lại, tổ chức lại trong mối quan hệ với các nhân tố của quá trình giao tiếp đặc biệt như một hoạt động sáng tạo. Các nhà văn, nhà thơ dựa trên những mối quan hệ hoặc bổ sung, hoặc tương phản, hoặc đẳng cấu để tổ chức các tín hiệu thẩm mĩ hướng tới việc khắc họa nổi bật hình tượng nghệ thuật,

cũng từ đó mà thể hiện lối tư duy nghệ thuật riêng, một phong cách sáng tạo riêng. Do vậy, một trong những chìa khóa để khám phá giá trị nghệ thuật của một tác phẩm văn học là giải mã các biểu tượng trong tác phẩm trên nền tri thức văn hóa chung được sử dụng dưới ý đồ, sáng tạo của người nghệ sĩ ngôn từ.

Ở bài viết này, chúng tôi tìm hiểu ý nghĩa biểu trưng của biểu tượng *lưỡi* trong lời ăn tiếng nói hàng ngày và trong văn học, cụ thể là thơ ca đương đại Việt Nam.

2. *Lưỡi* và biểu tượng *lưỡi* trong văn hóa truyền thống

2.1. Từ góc độ khoa học, *lưỡi* là cơ quan vị giác nằm trong khoang miệng của động vật có xương sống. Ở động vật có vú, *lưỡi* là khối cơ vân chắc, phủ ngoài bằng lớp biểu bì phân lớp, phía dưới là lớp mô liên kết. Mặt trên *lưỡi* có nhiều nhú cảm giác (chồi cảm giác). Trên *lưỡi* chia thành một số vùng tương ứng với khả năng cảm giác, vị giác khác nhau. Các vị giác mà *lưỡi* có thể cảm nhận rồi “phản ánh” như: ngọt, mặn, chua, cay, đắng... (Wikipedia). *Lưỡi* là bộ phận mềm, không xương, chuyển động bằng các cơ, có khả năng uốn dẻo linh hoạt. *Lưỡi* có chức năng vô cùng quan trọng trong hoạt động ăn uống và nói năng của con người. Trong ăn uống, *lưỡi* nhận, đưa và đảo thức ăn trong khoang

miệng. *Lưỡi* là bộ phận cảm nhận vị giác, giúp con người cảm nhận được các vị khác nhau của thức ăn. Trong nói năng, *lưỡi* là cơ quan cấu âm không thể thiếu. Để phát ra một tiếng/ âm tiết, con người phải sử dụng các bộ phận trong khoang miệng như răng, môi, ngạc, dây thanh, *lưỡi*... *Lưỡi* có vai trò tạo ra sức cản luồng không khí thoát ra từ họng để phát ra các âm thanh [4, 151].

2.2. Chính vì *lưỡi* có đặc điểm và chức năng như trên, trong đó có chức năng là một trong những bộ phận cấu âm quan trọng tạo ra âm thanh của ngôn ngữ (tức lời nói), nên trong quan niệm văn hóa truyền thống, *lưỡi* trước hết biểu trưng cho lời ăn tiếng nói của con người.

Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới đã chỉ ra rằng, *lưỡi* là biểu tượng của sự hình thành, tạo tác lời nói, là nguồn gốc của lời. Trong tiếng Anh, tiếng mẹ đẻ được thể hiện bằng từ *mother-tounge* (*tounge* là cái *lưỡi*), hoặc thành ngữ *Keep your tounge* cũng có nghĩa là *giữ mồm, giữ miệng*, thận trọng trong lời ăn tiếng nói. Trong tiếng Việt, cũng có những câu như:

- *Uốn lưỡi bảy lần trước khi nói.*
- *Ngậm cái miệng lại không tạo đánh cho gãy lưỡi bảy giờ!*
- *Ăn nói cẩn thận không có lại bị cắt lưỡi.*

Khi lời nói làm phật lòng, gây tức giận người khác, *lưỡi* - công cụ tạo ra lời nói đó, nguồn phát ra lời nói đó - phải là nơi để trút giận, để ngăn nó tiếp tục.

Đức Phật đã dạy rằng bệnh tật của con người từ miệng vào, tai ương của con người cũng từ miệng mà ra (*vạ miệng*). *Lưỡi* - nguồn gốc của lời

nói - "bị" cho là nguồn gốc của tai ương [1, 549]. Thánh Gia-cô-bê đã nói: *Lưỡi tuy bé nhỏ, nó đã nói lên nhiều điều vĩ đại mà chính nó cũng làm hoen ố cả con người chúng ta* [8]. Esope trong câu chuyện ngụ ngôn nổi tiếng đã cho rằng không có gì quý giá bằng *lưỡi* vì *lưỡi* là chìa khóa của triết lí, kĩ thuật và chân lí, cũng không có gì trên đời xấu bằng *lưỡi*, nó là mầm chiến tranh li loạn, là nguyên nhân của hiểm thù, ghen ghét [8]. Lịch sử đã chứng minh, rất nhiều trường hợp con người không cần dùng gươm đao, súng đạn để tiêu diệt kẻ thù mà chỉ cần dùng cái *lưỡi* (*Uốn ba tấc lưỡi*). Sức mạnh của cái *lưỡi* chính là sức mạnh lời nói.

2.3. Từ chỗ biểu trưng cho lời ăn tiếng nói, *lưỡi* tiếp tục được sử dụng, phát triển, mở rộng, trở thành biểu tượng phản ánh nhân cách con người.

Cô nhân đã dạy: *Sông sâu còn có kẻ dò, lòng người nham hiểm ai đo cho tường; Biết mặt không biết lòng. Mặt* là cái thể hiện ra bên ngoài, *lòng* là suy nghĩ thực bên trong. Lời nói chính là một trong những *mặt* thể hiện đó. *Mặt* này vô cùng đa dạng. Không phải ngẫu nhiên mà trong tiếng Việt lại tồn tại nhiều từ ngữ, thành ngữ liên quan đến lời nói đến như vậy (*nói dóc, nói bóng nói gió, nói càn, nói cạnh nói khéo, nói chọc, nói chơi, nói chua, nói cứng, nói mịa, nói ngoa, nói ngang, nói nhăng nói cuội, nói như thánh phán, nói như vẹt, nói phách, nói phét, nói trạng, nói quấy nói quạ, ...*). Mỗi kiểu nói thể hiện một tâm trạng, tính cách khác nhau. Như vậy, *lưỡi* tạo lời nói, lời nói thể hiện nhân cách nên *lưỡi* biểu trưng cho nhân cách thể hiện trong giao tiếp, ứng xử, phát ngôn hàng ngày. Do tính chất mềm dẻo của

lười nên nó được sử dụng ẩn dụ chỉ lời nói dễ thay đổi (*Lười không xương trăm đường lắt léo*), do vậy nói chung *lười* khi làm biểu tượng cho nhân cách của con người thì thường mang sắc thái tiêu cực. Chẳng hạn, sự độc địa, ác tâm: *Miệng lười thể gian; Lười người độc quá đuôi ong...*; sự giả tạo, phản trắc: *Lười không xương nhiều đường lắt léo* (tục ngữ); *chót lười đầu môi* (thành ngữ); *Khôn khéo chẳng qua ba tác lười* (Nguyễn Công Trứ); *Những sự ba đào xeo tác lười* (Hồ Xuân Hương)...

Ngoài ra, đặc điểm mềm dẻo của *lười* (trong sự so sánh với răng) còn là cơ sở để tạo hàm ý, biểu trưng cho cách sống linh hoạt, khôn khéo, tùy thời. Xưa, Lão Tử đến thăm người thầy Phương Dung đang ốm nặng. Lão Tử đã trả lời rất đúng ý thầy về cái răng và cái *lười*. Sở dĩ *lười* còn là vì *lười* mềm, còn răng rụng vì răng cứng. Đạo lí này không chỉ đúng với răng và *lười* mà còn ứng với mọi việc trong thiên hạ [9]. Triết lí phương Đông đề cao tính linh hoạt, tùy cơ ứng biến. Sống không cứng nhắc, lựa theo tính chất sự việc mà ứng xử có hiệu quả, *lạt mềm buộc chặt* còn hơn là chỉ khur khur ôm lấy nguyên tắc của riêng mình.

Bên cạnh đó, cũng trong sự đối sánh với răng, cặp biểu tượng răng - *lười* còn biểu trưng cho một cách sống khác. *Lười* và răng được nhân hóa là hai anh em trong cùng một nhà, *lười* là anh và răng là em. Bài thơ vịnh chuyện *Răng cắn lười* đã minh chứng cho điều đó: Vào thời Tự Đức, Nguyễn Đăng Hành, con Nguyễn Đăng Giai, là người hay chữ. Nhân dịp được âm mưu lật đổ của Hồng Bảo, Tự Đức mở tiệc ăn mừng. Trong khi đang đãi

yến các quan, nhà vua ăn uống sơ ý nên để răng cắn phải *lười*. Vua bèn lấy sự việc này bảo các quan làm thơ để mua vui. Các quan đều làm thơ dâng lên vua, nhưng chỉ có bài của Phạm Đăng Thành là hay hơn cả. Bài thơ như sau: *Ngã sinh chi sơ, như vị sinh/ Như sinh chi hậu, ngã vi huynh/ Kim triều hạnh hưởng cao lương vị/ Hà nhẫn độc thương cốt nhục tình*. Dịch là: *Tớ sinh, người ra đời/ Người sinh sau tớ, tớ thời làm anh/ Hôm nay ăn uống ngon lành/ Mỗi tình cốt nhục sao đành hại nhau?*

Rõ ràng đây là bài thơ nói về việc răng cắn phải *lười*. *Lười* có trước khi mọc răng, vậy thì *lười* là anh mà răng là em. Thế mà khi được miếng ăn ngon đáng lẽ cùng nhau hưởng thụ thì răng lại nở lòng cắn *lười* để tranh ăn lấy một mình, Tự Đức xem xong biết là Hành muốn ám chỉ việc riêng của mình, nhà vua sai đem tác giả ra cửa Ngọ Môn đánh ba chục roi về cái tội châm biếm phạm thượng. Sau đó, để tỏ rằng mình biết quý trọng văn tài, nhà vua lại thưởng tiền lụa rất hậu. Câu chuyện *răng - lười* nhắc nhở ta phải biết sống có trên có dưới, có trước có sau (Theo *Kho tàng giai thoại Việt Nam*).

Như vậy, trong văn hóa thể giới, văn hóa phương Đông nói chung, văn hóa Việt nói riêng, *lười* đã là hình ảnh mang ý nghĩa rộng hơn ý nghĩa biểu vật vốn có của nó. Trên nền văn hóa chung, người Việt đã mượn *lười* để biểu trưng cho lời ăn tiếng nói, nhân cách, lối sống của con người.

Ngoài ra, ở một khía cạnh khác trong tình yêu, *lười* còn tham gia vào những nụ hôn. Thậm chí còn có hẳn một cách hôn là hôn *lười*. Tuy nhiên, khác với đôi môi là hình ảnh thường được nhắc tới trong thơ ca trước đây

như một biểu tượng của nụ hôn lãng mạn, thơ mộng thì gần đây, trong thơ đương đại *lưỡi* mới được xuất hiện gắn liền với nụ hôn nhưng là nụ hôn của nhục cảm khát khao mà chúng tôi sẽ đề cập rõ hơn ở phần sau.

3. Biểu tượng *lưỡi* trong thơ đương đại Việt Nam

Quá trình đi từ biểu tượng văn hóa đến biểu tượng ngôn ngữ nghệ thuật (biểu tượng thơ văn) là một quá trình mang ý nghĩa tiếp nhận, điều chỉnh, vừa tồn tại những nét nghĩa tương đồng, vừa có những độ chênh nhất định tùy theo từng cá tính sáng tạo của mỗi nghệ sĩ. Biểu tượng *lưỡi* với ý nghĩa chỉ lời ăn tiếng nói, chỉ nhân cách, lối sống của con người vẫn xuất hiện trong các tác phẩm thơ đương đại, tuy nhiên nó được phát triển theo hai chiều hướng: một là, giữ nguyên hàm ý chỉ sự lắt léo, phản trắc; hai là, biểu tượng *lưỡi* được tô đậm, nhấn mạnh trên một phạm vi, đối tượng cụ thể - con người nghệ sĩ. Bên cạnh đó, trong số tác phẩm thơ đương đại, *lưỡi* còn phát triển một ý nghĩa biểu tượng hoàn toàn mới mẻ - biểu tượng của tình yêu mãnh liệt với những khát khao nhục cảm.

Tiếp sau đây, chúng tôi sẽ dành sự quan tâm để bàn đến biểu tượng *lưỡi* với những ý nghĩa mang dấu ấn cách tân của thơ đương đại Việt Nam.

3.1. *Lưỡi* biểu trưng cho tình yêu mãnh liệt mang đầy khao khát nhục cảm

Thơ đương đại chứng kiến những giọng nói đột phá của nhiều cây bút trẻ, nằm trong nỗ lực cách tân thơ từ nội dung đến hình thức (mặc dù chưa thể đưa ra một khẳng định về thành quả của nó), để thể hiện khát vọng nhục cảm. Có người đã nhận xét rằng,

thơ đương đại lấy việc hòa nhập đời thường làm tiêu chí, không ngại dùng những từ ngữ “trần trụi”, không ngại nói sex một cách thẳng thắn và trút bỏ lớp áo tu từ. *Lưỡi* được nhắc đến trong một số câu thơ với ý nghĩa thực, ý nghĩa biểu vật của nó.

Bằng những hình ảnh siêu thực, Mai Văn Phấn lại diễn tả rất chân thực kiểu hôn *lưỡi* dài hơi “đứt cuống”, xoắn bện “thành dây chèo”, nụ hôn đắm say cuồng nhiệt làm rung động mọi cơ-ron thần kinh, tế bào, cảm xúc chạy dọc cơ thể từ môi xuống ngực, xuống sống lưng rồi xuống gót chân, từ trên xuống dưới, từ đầu xuống chân:

*Môi sương ngậm vạt cỏ đầm
Vút bay theo vách cao dựng đứng
Bè gãy, bện em thành dây chèo
Nuốt sâu chiếc lưỡi xuống ngực
Tới sống lưng
Chạm gót chân anh*

(*Hình đám cỏ*, Nhịp 4, Mai Văn Phấn).

*Hôn nhiên cho lưỡi và răng anh
chạm vào cơ thể...*

(*Ngậm em trong miệng*, Mai Văn Phấn)

Hay cảm giác nhột nhạt, mơn trớn của “*Cái lưỡi mềm của anh nơi gan bàn chân em*” (*Sinh ngày 4 tháng 4*) trong thơ Vi Thùy Linh. Rồi bỗng bùng lên như ngọn lửa bùng rất khát khao:

*Bùng từng đêm lưỡi như ngọn lửa
liếm vào thân sống nóng.*

(*Mùa thụ cảm*, Vi Thùy Linh)

Mùi hương ngân đôi ta

Lưỡi hồng lướt lên bộ xiêm áo.

(*Tháng tư*, Vi Thùy Linh)

*Người đàn bà làm bật tiếng tru
liên hồi của hoa, bằng lưỡi.*

(*Dấu vết*, Vi Thùy Linh)

Rồi cả nỗi đam mê như “con nghiện” nha phiến:

Lưỡi. Răng. Nha phiến.

(*Diệp khúc sáng mùa đông*, Phan Huyền Thư)

Có thể nói, trong những dòng thơ trên, *lưỡi* là hiện hình của tình yêu mãnh liệt với bao cung bậc của cảm xúc để lại dấu vết trên cơ thể, da thịt. Nếu trước đây, chúng ta đã xúc động, run rẩy với những ánh mắt, bờ môi, nụ hôn, bàn tay... bầu, riết, ghi... trong thơ tình 1930 - 1945, thì đến nay người đọc được tiếp xúc với răng, *lưỡi*, vòm họng... trong cảm giác lặn sâu, hòa quyện, tan chảy của tâm hồn và thể xác. Nếu so với ánh mắt thì cảm giác mà *lưỡi* mang lại dường như mang tính vật chất hơn. Ánh mắt - cửa sổ tâm hồn - là sự gặp gỡ của những tâm hồn đồng điệu, mang ý nghĩa tinh thần nhiều hơn thể xác. Còn *lưỡi* là một trong những bộ phận chứa nhiều dây thần kinh nhất, cho nên *lưỡi* với cái hôn "đánh *lưỡi*" và nhiều chuyển động táo bạo đã cho ta cảm nhận bằng da bằng thịt, bằng sự mê mị của những luồng dây thần kinh những cảm xúc nồng nàn, say đắm của tình yêu. *Lưỡi* đã được trở về đúng ý nghĩa biểu vật - một bộ phận thân thể. Hãy so sánh hai câu thơ của hai nhà Thơ Mới:

Tôi mượn tình cảm mớm lưỡi răng
(*Lời tuyệt mệnh*, Bích Khê)

Tôi nói mùa xuân nín lưỡi tôi.
(Xuân Diệu)

Cái *lưỡi* trong Thơ Mới cũng được sử dụng để nói về những đam mê, khát vọng, tuy nhiên *lưỡi* ở đây không là cái *lưỡi* thực, chúng mang ý nghĩa tu từ nhiều hơn, đi kèm theo là *tình cảm*, là *mùa xuân* mang tính trừu tượng. Còn *lưỡi* trong thơ Mai Văn Phấn, Vi Thùy Linh, Phan Huyền Thư... thì phải là những cái *lưỡi* đi cùng với gan bàn chân, với răng, môi,

thịt da và cơ thể... Chẳng hạn, cái *lưỡi* trong không gian hư ảo nhưng vẫn lồ lộ nhục dục:

Phiêu diêu mắt thấy con đường
tơ lụa

phiêu diêu lưỡi chạm đáy mềm
Ấu Cơ

(*Ấu Cơ*, Vi Thùy Linh)

Đáy mềm Ấu Cơ - một hình ảnh nửa hư, nửa thực, tuy nhiên vẫn gợi lên được cảm giác chạm đáy mềm (phần còn lại là tùy vào sự tưởng tượng của từng người đọc).

Hay:

Đêm đã nhuộm màu lên chiếc
lưỡi của em

Để em không thể nhìn thấy anh
Bằng vị giác

(*Đêm và anh*, Ly Hoàng Ly)

Lưỡi của em nhìn anh trong đêm tối, giống như bàn tay của người khiếm thị, thay đôi mắt để cảm nhận người tình.

Lưỡi biểu tượng cho cảm giác nhục thể. Các nhà thơ đã chú tâm khai thác khía cạnh này và thậm chí từ đây còn sáng tạo ra những kết hợp ngôn từ mới lạ. Theo *Từ điển tiếng Việt* (Hoàng Phê chủ biên), nghĩa thứ hai của *lưỡi* chỉ một bộ phận của đồ vật như *lưỡi dao*, *lưỡi cày*, *lưỡi liềm*, *lưỡi cuốc*... [3, 598]. Đây là kết quả của phương thức ẩn dụ dựa trên nét tương đồng về tính chất, chức năng của *lưỡi*: nơi tiếp xúc đối tượng khác. Trong một số tác phẩm thơ đương đại, ta còn thấy những kết hợp từ ngữ sáng tạo, mới lạ: *lưỡi sóng*, *lưỡi gió*, *lưỡi trăng*, *lưỡi nén*, *lưỡi lửa*, *chùm lưỡi*... với ý nghĩa chỉ cảm giác.

Những lưỡi gió thơm tho luôn
vào lỗ tai

Áp lên hoang sơ giấc mơ của cô
(*Dấu vết bình minh*, Mai Văn Phấn)

Ngùn ngụt cháy lưỡi lửa

*Miên man trụ vững gió môi
chao lắt*

(*Hình đám cỏ, Nhịp VI, Mai Văn Phấn*)

*Đôi môi muốn mọc chân chạy
trên da thịt*

*Lưỡi lửa thêm thường nhòai đến
chân rơm*

(*Giọng nói, Mai Văn Phấn*)

Chùm lưỡi diu nhau đứt cuống

Xuyên qua tim lẫn vào đất toi

(*Được quyền nghĩ những điều
đã ước, Mai Văn Phấn*)

*Ngân trong cái lưỡi trắng chói
sáng và sắc lẹm*

(*Những người đàn bà gánh nước
sống, Nguyễn Quang Thiều*)

*Lưỡi gió đã thò ra, đã liếm vòng
quanh*

Đã vỡ lá, đã gãy cành, đã dập cỏ

(*Thì thảo khu vườn, Nguyễn
Quang Thiều*)

Hoặc miêu tả sự vật có những
hành động của lưỡi:

*...những vệt sáng ngắn chày từ
gốc lên cành*

*Chúng ngoan ngoãn liếm trắng
trên những chiếc thìa lá mạ bạc*

Lũ trẻ còng queo ngủ

*Những dãy số đánh lừa và phản
bội chúng*

*Trong mơ chúng có liếm trắng
trên vòm lá kia không?*

(*Dưới trăng và một bậc cửa,
Nguyễn Quang Thiều*)

Với những kết hợp như thế này,
đối tượng được miêu tả với hình thái
khác lạ, người đọc được phép liên
tưởng, mở rộng nhận thức của mình
về đối tượng. Những *gió*, những *trăng*,
những *lửa* trở nên gợi cảm hơn, mềm
mại, đa tình hơn.

Tóm lại, chiếc *lưỡi* là một hình
ảnh thơ được trở về với nguyên dạng

bản thể của nó, với nét nghĩa biểu vật,
nhấn mạnh ở nét nghĩa là chiếc *lưỡi*
của cảm giác, không tồn tại chỉ trong
hình thức thành ngữ, ngữ cố định.
Hình ảnh *lưỡi* đi kèm với sự sáng tạo
sử dụng của từng tác giả, mang ý nghĩa
biểu cảm, cá tính với thủ pháp ám gợi,
hiển hiện dấu ấn nhục cảm phồn thực.

3.2. *Lưỡi* biểu tượng của tiếng
nói, nhân cách, trách nhiệm của người
nghệ sĩ

Cũng theo ý nghĩa biểu tượng
truyền thống nhưng *lưỡi* đã có sự tiếp
nối, phát triển trong cách sử dụng biểu
trưng. *Lưỡi* mang sứ mạng của tuyên
ngôn nghệ thuật. Trong đời sống văn
học hiện nay, đặc biệt thơ ca đương
đại, đang tồn tại một nhu cầu lên tiếng,
định hình quan niệm, lập trường thơ.
Lúc này, *lưỡi* trở về với ý nghĩa là đại
diện của lời nói, của phát ngôn, hay
nói đúng hơn của tuyên ngôn nghệ
thuật. Nếu trước đây người ta thường
dùng hình tượng ngòi bút (phương
tiện tạo ngôn ở cấp độ kí hiệu thứ hai -
chữ viết) để biểu thị cho sáng tác của
nhà thơ, nhà văn, nhà báo nói chung
(*Đám mây thẳng gian bút chẳng tà*
(Nguyễn Đình Chiểu), *Dùng bút làm
đòn xoay chế độ* (Sóng Hồng) thì nay,
thơ đương đại lại dùng hình tượng *lưỡi*
(phương tiện tạo ngôn ở cấp độ kí hiệu
thứ nhất - tiếng nói). Và hơn nữa, *lưỡi*
nằm trong tổng thể khuôn mặt còn thể
hiện cho nhân cách, thể diện của người
nghệ sĩ. Qua hình tượng *lưỡi*, những
trăn trở, suy ngẫm, nhân cách, trách
nhiệm,... của người nghệ sĩ đã được
bày tỏ. Trong ý nghĩa này, phải kể đến
các sáng tác tiêu biểu của các tác giả
Mai Văn Phấn, Trần Quang Quý,
Nguyễn Quang Thiều, Phan Huyền
Thu...:

*Trở trâu thay bị kịch của lời
nằm trong rung động lưỡi
(Không để, Trần Quang Quý)*

Nhà thơ Trần Quang Quý băn khoăn, giằng xé về trách nhiệm với phát ngôn, lời nói. Không nói bằng chiếc lưỡi của người khác, mỗi lần lập ngôn phải là một sự suy ngẫm thấu đáo, và tác giả đã khoắc cho chiếc lưỡi, hay chính những câu thơ của mình rất nhiều trách nhiệm, bốn phận và vai trò:

*Tôi không nói bằng chiếc lưỡi
của người khác*

*Chiếc lưỡi đi qua ngàn cơn bão
từ vừng*

*Chiếc lưỡi trôi sục trên núi đồi
thanh âm, trên thác ghềnh cú pháp*

*Chiếc lưỡi bị hành hình trong
một tuyên ngôn...*

(Lời, Trần Quang Quý)

Đó chính là một cam kết, một khát khao, một nguyên tắc của người nghệ sĩ thể hiện lập trường và giọng điệu riêng mang cá tính sáng tạo của bản thân mình. Bài thơ nhan đề là *Lời nhưng lưỡi* là hình tượng trung tâm, biểu thị lời.

Lời nằm tại lưỡi. Bị kịch của người nghệ sĩ là chiếc lưỡi tầm thường, cạn sức sống. Chiếc lưỡi sống nhạt, đang héo dần và đánh mất vai trò, sứ mệnh của nó, đánh mất sứ mệnh của người làm nghệ thuật ngôn từ:

*Chiếc lưỡi giẫy giữa trong vũng
cạn ngôn từ*

*Tôi vừa gặp nó hèn hèn thoát
ra từ diễn đàn hội nghị*

*Tôi cũng thấy nó hôm qua đang
mặc cả bán mua nì nèo công chợ*

Chiếc lưỡi mặc chiếc quần trẻ rón

Dè sèn đông quá khứ

Đếm từng hạt tương lai

*(Mắt thời gian cắt lớp, Trần
Quang Quý)*

*Sự nhạt hay tăng tịu với gương
mặt nhăn mông*

*"Buồn dưa lê" thậm thụt via hè
E ngại đắng cay gia vị*

*Thích mỡ màu chót lưỡi đầu môi
(Sự nhạt, Trần Quang Quý)*

Trong khi Trần Quang Quý ngán ngảm cùng chiếc lưỡi "*buồn dưa lê*" *thậm thụt via hè*, nhận chân những trò nhạt nhẽo của văn chương thì Phan Huyền Thư tham dự vào *Giấc mơ của lưỡi* để rồi hân hoan:

*Tôi nghe sấm phục sinh rên
mặt đất*

Con mưa rào lân tinh

Nắm mộ nờ vụt hoa Từ huyền

Và giấc mơ của lưỡi

bắt đầu mở nguyên âm

Giấc mơ của lưỡi hay giấc mơ, khát khao của nhà thơ muốn phá cách, sáng tạo, vượt thoát khỏi những cũ kĩ, muốn cách tân, khác biệt, phá bỏ rào cản truyền thống, vượt thoát "vũng cạn ngôn từ" để bơi ra đại dương của sáng tạo, cá tính. Hình ảnh "*lưỡi nằm ngoan*" thể hiện sự thuận theo, chấp nhận cái cũ kĩ, sáo mòn. Giấc mơ của lưỡi là giấc mơ được *mở nguyên âm*, được tái sinh sau một cơn quần quai, cùng đó là những hình ảnh *sấm phục sinh, mưa rào, nắm mộ nờ vụt hoa* góp phần tạo nên một trường nghĩa biểu thị cho phút thăng hoa sáng tạo, "sân sinh" thi tứ của nhà thơ.

*Chiếc lưỡi giẫy giữa trong vũng
cạn ngôn từ* phản ánh thực trạng của văn nghệ đang cũ dần, sống mòn với truyền thống, đang đi vào khuôn sáo, nghèo nàn sáng tạo. Có ý kiến cho rằng, kể từ những cách tân từ thời Thơ Mới thì thơ ca Việt Nam vẫn chưa thực sự tiến thêm một bước ngoặt nào, thậm chí chỉ bước tiếp theo những bước đi của các tiền bối trong "Thi

nhân Việt Nam". Cách tân là cần thiết, tuy nhiên nó vẫn chưa định hình được một lối đi. Và "chiếc *lưỡi* giấy giữa" là một cố gắng, một khát vọng vượt thoát khôn nguôi của người nghệ sĩ không chấp nhận chết.

Trong hành trình sáng tạo ấy, nhà thơ nhận thức rõ mình như diễn viên xiếc chao đảo trên sợi dây bên dưới là vực thẳm. Để đạt được trạng thái cân bằng với một bên là những cảm dỗ, thỏa hiệp, hài lòng với chính mình, một bên là những hiểm nguy đang rình rập, sẵn sàng bỏ ra xương con chữ và trên đầu là trách nhiệm của người cầm bút, áp lực ấy vô cùng căng thẳng và nặng nề.

Miệng bóng tối ghé vào thanh bạch

Hơi độc từng phun ngược lại âm hình

Nơi đoán phạt trắng đen, thiện ác

Lá cỏ trôi ra chiếc lưỡi phân minh.

(Tập phát âm, Mai Văn Phấn)

Bài thơ với cái tên *Tập phát âm*, tức trước đó chủ thể trong trạng thái câm lặng, không biết nói hoặc không nói được, bị khóa chặt miệng hoặc đã mắc thói quen không nói... Chiếc *lưỡi* trong khổ thơ cuối cùng của bài được "trôi ra" giữa ranh giới của chân - ngụy, thiện - ác, trắng - đen... là kết quả tất yếu của lẽ phải, của tự nhiên, của khát vọng sự sống con người. Lá cỏ trôi ra chiếc *lưỡi* nơi *Miệng bóng tối ghé vào thanh bạch/ Hơi độc từng phun ngược lại âm hình*. *Lưỡi* ở đây đã xuất hiện làm sứ mệnh "phân minh" cho lịch sử, trả lại sự thật cho lịch sử.

Người nghệ sĩ luôn luôn đấu tranh với những lực cản, thậm chí cả những thỏa hiệp trong con người mình. Cũng có lúc nhà thơ suy tư về thân phận mình như thân phận cái *lưỡi* với cách sống mềm dẻo, linh hoạt và được người

đời cho là khôn ngoan nhưng sao vẫn thấy chạnh lòng, thẹn một điều là không có được dũng khí của răng:

Trên nổi đau lưỡi có thể lặng thinh

Hoặc thò thè những điều ngọt nhạt

Trên nổi đau hàm răng nghiền chặt

Hoặc cắn giận chúng có thể cắn

Và khi bữa tiệc đã trên bàn

Lưỡi tinh tế, những chiếc răng
cật lực

Chúng như những nông phu trên
đất đai cực nhọc đời mình

Có tên gọi giản đơn:

Nhai,

Cắn

(*Răng và lưỡi*, Trần Quang Quý)

Răng và lưỡi đại diện cho hai loại người. Một bên là *lưỡi* sống theo bản lĩnh, trí tuệ, biết dùng ngôn ngữ đối xử với đời, một bên là *răng* sống thẳng thắn, bộc trực. Vậy sống như thế nào là hơn? Tác giả chỉ ra như thế, còn thái độ đánh giá là tùy vào mỗi người đọc. Rõ ràng, câu chuyện cổ nhân xưa đã mang ý nghĩa đa chiều hơn trong suy nghĩ của người nay.

Nhưng cũng có lúc chính người trong cuộc hiểu rõ bị kịch mình gây ra với cái *lưỡi* chỉ làm hề, làm xiếc, làm già trên sân trò đời và nhất là tác hại của chúng theo thói a dua. Cách nói *cộng sinh lưỡi* của Trần Quang Quý là một sáng tạo. *Cộng sinh lưỡi* hay chính là cộng sinh người dùng lời nói, phát ngôn của mình để thay đổi trật tự, thay đổi tư tưởng, giá trị trên diễn đàn và cửa sau bóng tối:

Những chiếc lưỡi quay mùa của
diễn đàn và cửa sau bóng tối

Cộng sinh lưỡi sẽ thành bão vũ
trụ thời tàn kì nguyên

(*Những bản tin*, Trần Quang Quý)

Đấu tranh với chính mình để vượt thoát khỏi những rào cản chủ quan,

lưỡi còn phải dùng cảm vì quyền được nói lên tiếng nói của mình, không bị chi phối, bị điều khiển bởi những thể lực khách quan:

Sau cơn bão nhân gian tôi ngồi chơi ván chờ những cái mặt

Lấy cặp môi này chặn đầu lưỡi khác

Trong cuộc tranh đấu này, Mai Văn Phan góp vào một chiếc lưỡi "ở những đỉnh cột":

Lưỡi tôi bị thất

Treo trên đỉnh cột

Mỗi lần nói

Chiếc lưỡi phải co rút kéo thân thể béo ị lên cao

Tôi giẫy giụa tựa mảnh vải quấy trong gió mạnh

Đang nghĩ về chiếc lưỡi đau

Hình ảnh chiếc lưỡi bị treo ở đỉnh cột trờ đi trờ lại, ám ảnh, giằng xé. Chiếc lưỡi bị treo là ẩn dụ cho những ràng buộc, níu kéo khi thi sĩ sáng tạo. Những tuyên ngôn, những quan niệm nghệ thuật mỗi lần "cất tiếng" thì luôn bị trì kéo, níu giữ bởi rất nhiều những chi phối, hệ lụy khác. Chiếc lưỡi và thân thể béo ị hay lời nói và những thực tế cuộc sống khó có thể để cho lưỡi vượt thoát, bứt phá trên hành trình sáng tạo. Nỗi đau của nó, phải chăng là những đau đớn vật vã của người nghệ sĩ đi cùng con chữ (*Tôi giẫy giụa tựa mảnh vải quấy trong gió mạnh*). Đây là những nhức nhối, trần trụi được nhận chân sự thật của đời sống, tìm tới chân - thiện - mỹ trong đời sống đa dạng, đa chiều hiện tại.

Chợt cánh bướm mọc trên bờ đá

Cánh hây hây run rẩy cả chân kẻ

Rồi tám biển quảng cáo nước uống tăng lực

Có ga phun sương mù và chất lượng cao

Nơi lãng mạn khác!

*Thiếu nữ vận lưng trong bìu lịch
Miệng cười tươi và gờ tay rất lâu
Tôi tồn tại bởi cánh bướm, biển
quảng cáo và thiếu nữ không quen biết
Họ nói giùm tôi cuống lưỡi vực sâu
Nhưng sao lại tồn tại biệt lập
Chắc lưỡi của họ đang treo lên
những đỉnh cột khác.*

(*Ở những đỉnh cột*, Mai Văn Phan)

Cứu cánh của nghệ thuật là cuộc sống, nhưng cuộc sống muôn màu với cánh bướm, tám biển quảng cáo hay thiếu nữ vận lưng trong bìu lịch lại ở những đỉnh cột khác. Thước đo dành cho người nghệ sĩ nhiều khi không trùng với thước đo của những đối tượng khác và bởi vậy không có tiếng nói chung? Không được nói được điều cần nói? Thước đo, lí tưởng không phải tồn tại hai chiều trên một đỉnh cột mà trong không gian ba chiều với nhiều đỉnh cột khác nhau và bài toán của người nghệ sĩ là làm sao phải dung hòa, phải tìm ra được phương cách tốt nhất trong tình trạng "chiếc lưỡi bị treo".

Lưỡi của Nguyễn Quang Thiều cũng mang ý nghĩa của những phát ngôn, cái lưỡi là tuyên ngôn, là sự tạo tác ngôn từ, là tiếng nói, là lập trường, quan điểm nghệ thuật nhưng trong một trận địa mai phục:

Hãy đi thật nhẹ và tự đọc bản thảo cuốn sách anh viết trong sợ hãi mê dại

Một con rắn rúc vào đám tóc anh và nằm phục cái lưỡi anh lộ ra

Nó muốn giết anh khi đơn âm đầu tiên của anh phát nổ

(*Hoa tiêu*, Nguyễn Quang Thiều)

Người đọc cảm nhận được nỗi nguy hiểm rình rập chờ sẵn cái lưỡi, những hệ lụy, hiểm nguy phục kích lời nói, phát ngôn trong hành trình

của con người nhận diện sự thật, phát biểu sự thật. *Lưỡi* và *đầu rắn* đôi khi thường đi kèm với nhau (*Lưỡi chúng tôi hóa thành đầu rắn*) chuyển hóa hay tha hóa lẫn nhau, hay được đặt cạnh nhau, theo dõi nhau với một lời nhắc nhở: *Một con rắn rúc vào đám tóc anh và nằm phục cái lưỡi anh lộ ra. Đầu rắn, lưỡi* và *nọc độc* khiến chúng ta nhớ tới những câu cổ nhân đã dạy: *Lời nói dối máu; Bút sa gà chết*. Có những lời nói chứa nọc độc của rắn, có những lời nói ngây thơ, sơ hở để nọc độc rắn biến chất, đổi màu.

Nghiêm khắc với chính mình, tinh táo với từng con chữ, ý thức về vai trò của ngôn ngữ đối với cuộc sống, xã hội, về đời sống văn hóa tinh thần đương thời, thông qua biểu tượng *lưỡi*, các nhà thơ đã đưa ra những vấn đề, những trần trụi đối với sự nghiệp sáng tác và những “đứa con tinh thần” của mình. Tiếp thu những nhận thức truyền thống, suy ngẫm về tình hình thơ ca đương thời, các nhà thơ đã thổi vào hình tượng *lưỡi* một ý nghĩa mới: nhân cách, trách nhiệm của người nghệ sĩ ngôn từ.

4. Kết luận

Lưỡi trong văn hóa truyền thống biểu trưng cho lời ăn tiếng nói, cho lối sống, cách đối nhân xử thế. Trong thơ đương đại Việt Nam, trên cơ sở tiếp nhận quan niệm truyền thống, biểu tượng *lưỡi* còn mang những ý nghĩa mới. *Lưỡi* biểu trưng cho tình yêu mãnh liệt với những khát khao nhục cảm. *Lưỡi* là hình tượng đề qua đó thi sĩ thể hiện khát vọng sáng tạo; những nhận thức, trần trụi trong hành trình tìm tới chân - thiện - mỹ; những quan điểm, tư tưởng, tuyên ngôn về nghệ thuật... Có thể nói, nhờ sự sáng tạo trong tư duy và sử dụng ngôn ngữ

biểu tượng *lưỡi* trở nên phong phú, đa nghĩa hơn trong sự tri nhận của người Việt đương thời.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alain Gheerbrant, Jean Chevalier, *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Nxb Đà Nẵng, 2007.
2. Vũ Đức Nghiệu, *Những đơn vị từ vựng biểu thị tâm lý, ý chí, tình cảm có yếu tố chỉ bộ phận cơ thể người trong tiếng Việt*, T/c Khoa học ĐHQGHN, KHXH & NV 23, 2007.
3. Viện Ngôn ngữ học (Hoàng Phê chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb KHXH, H., 2000.
4. Nguyễn Thiện Giáp, *Dẫn luận ngôn ngữ học*, Nxb GD, H., 2002.
5. Đoàn Tiên Lược, *Lửa: Từ biểu tượng văn hóa đến biểu tượng ngôn từ*, T/c Nghiên cứu văn hóa, Số 5, 2011.
6. Balla, *Quyền lực của ngôn từ và quyền lực của biểu tượng*, www.tapchisonghuong.vn
7. Trần Đức Thuận, *Lời nói gió bay, lời nói dối máu*, www.trannhuong.com.
8. *Tuyển tập 34 truyện suy ngẫm*, www.gxnamlo.org.
9. *Những câu chuyện về cái lưỡi*, www.chiaseyeuthuong.net.

SUMMARY

In traditional culture, *tongue* symbolized not only human personalities in communication and speech but also the people's treatment and behavior to one another. In Vietnamese contemporary poetry, the symbol of *tongue* receives, develops the traditional meanings and creates new ones. *Tongue* symbolizes burning love as well as sexual desires. It is also the figure by which poets express their ambition of creation, their consciousness and responsibility on the journey to reality - kindness - aesthetics; their views, thoughts and proclamation on arts.